

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày 05-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thái Dương.

Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 09/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 đối với:

- Bị cáo: Dìem Văn D; sinh năm 1999; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dìem Văn T, sinh năm 1972 và con bà: Bồn Thị D, sinh năm 1971; có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ con: Không; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; tạm giữ ngày 13/02/2021; tạm giam ngày 22/02/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Xuân B - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Bị hại: Anh Đặng Văn Đ; sinh năm 1999; người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn T, sinh năm 1975 là bố đẻ bị hại.

Đều cư trú: Thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

+ Anh: Lã Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh: Hoàng Đức S; sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

+ Anh: Nông Văn M; sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

+ Anh: Lý Văn H; sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/01/2021, Dìm Văn D có gặp Đặng Văn Đ tại khu nhà trọ thuộc Thôn N, thị trấn Y, huyện B (*D và Đ là người cùng thôn quen biết nhau từ trước*), sau khi gặp nhau Đ có điều khiển chiếc xe mô tô BKS 23K1 - 080.52 nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh - đen - bạc chở D đi ăn sáng, trong lúc ăn sáng do hết tiền tiêu xài cá nhân D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của Đ nên đã đưa ra thông tin gian dối hỏi mượn Đ chiếc xe máy để đi xuống xã M, huyện B đón bạn và được Đ tin tưởng đồng ý cho mượn xe máy (*thực tế không có bạn nào của D ở xã M*), sau khi ăn sáng xong Đ điều khiển xe mô tô chở D từ quán ăn sáng về đến trước cửa quán Game online Nam Anh thuộc tổ 2, thị trấn Y, huyện B (*nơi Đồn làm thuê*) khi về đến nơi Đ giao chìa khóa xe máy cho D, do không thấy giấy tờ xe D tiếp tục hỏi Đ về giấy tờ xe để đâu, Đ trả lời để nhà anh Lý Văn H, trú tại Thôn N, thị trấn Y, huyện B, sau đó D điều khiển xe máy quay về phòng trọ tại thôn N để lấy quần áo đồ dùng cá nhân và điều khiển xe máy đến nhà anh H lấy giấy tờ xe của Đ, khi có giấy tờ xe D điều khiển xe máy đi ra xã M, huyện B vào nhà Hoàng Đức S, trú tại Thôn N, xã M, huyện B (*D và S quen biết nhau từ năm 2013 tại trường giáo dưỡng tỉnh Ninh Bình*) và nhờ S giới thiệu quán cầm cố chiếc xe máy của Đ, D nói “*có biết chỗ nào cầm cố xe máy không*”, S hỏi “*xe của ai*”, D trả lời “*xe của Đ*”, S lại hỏi “*xe của Đ sao mày đi cầm*”, D trả lời “*đã hỏi ý kiến của Đ rồi*” do tin tưởng D nói thật nên S đã giới thiệu đến quán bán điện thoại di động anh Nông Văn M, trú tại Thôn N, xã M, huyện B, khi lên quán của anh M, D có đưa ra thông tin chiếc xe máy trên là của em trai muốn cầm cố lấy 7.000.000đ, và để lấy niềm tin của anh M, D viết giấy cầm cố lấy tên là Đặng Văn Q mục đích cho trùng họ với Đặng Văn Đ. Anh M đồng ý cho cầm cố và đưa cho D số tiền 7.000.000đ, sau khi có được tiền S vay của D số tiền 800.000đ, số tiền còn lại D bắt xe khách đi ra thành phố Hà Giang tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 26/01/2021 D bắt xe khách từ thành phố H đi vào xã M, huyện B mục đích là bán chiếc xe máy đang cầm cố tại nhà anh M, khi vào đến xã M, D gặp S, D nói “*muốn bán chiếc xe máy của Đ*”, S trả lời “*xe của nó mày mang đi cầm sao không nhờ ra cho nó*”, D trả lời “*tao đã bảo Đ rồi Đ đồng ý*” thấy vậy S đã gọi điện cho anh Lã Văn T, trú tại Thôn N, xã M, huyện B hỏi có nhu cầu mua xe máy không và được anh T đồng ý xem xe máy, sau khi nhìn thấy xe máy T có hỏi “*xe này của ai*” D trả lời là “*của em trai Đặng Văn Đ muốn bán còn mình khai là Đặng Văn Q*”, sau khi xem xe xong hai bên thống nhất giá chiếc xe là 10.400.000đ (*mười triệu bốn trăm nghìn đồng*) sau khi có được tiền D đem đi chuộc xe đang cầm cố tại quán của anh M với số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) còn lại số tiền 3.400.000đ D tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/02/2021 Công an thị trấn Y, huyện B tiếp nhận tố giác tội phạm của anh Đặng Văn Đ, tố giác Dì Văn D mượn xe đi lâu không thấy mang về trả và đã bán cho anh Lã Văn T cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành thu giữ chiếc xe máy BKS 23K1-080.52 do anh Lã Văn T giao nộp. Ngày 13/02/2021 Dì Văn D đã đến Công an huyện B đầu thú.

Ngày 04/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra văn bản yêu cầu định giá số 19 gửi Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện B.

Tại bản kết luận số 02 ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận 01 chiếc xe mô tô, xe máy BKS 23K1 - 080.52 nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh - đen - bạc có giá trị là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô BKS 23K1 - 080.52 nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh - đen - bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 màu hồng - đen, màn hình cảm ứng.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, đã chứng minh làm rõ chủ sở hữu hợp pháp tài sản, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu gồm:

- Trả cho ông Đặng Văn T (bố đẻ của Đặng Văn Đ được Đặng Văn Đ ủy quyền tham gia tố tụng) 01 xe mô tô BKS 23K1-080.52 nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh - đen - bạc, số máy JA39E1131728, số khung 391XKY270176; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005354, mang tên Đặng Văn Đ, sinh năm 1999, Biển số đăng ký 23K1- 080.52.

- Trả lại cho bị cáo Dì Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 màu hồng - đen, màn hình cảm ứng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Anh Lã Văn T đề nghị bị cáo Dì Văn D phải trả lại số tiền 10.400.000đ (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*) là số tiền anh bỏ ra mua chiếc xe máy với D, khi mua anh không biết nguồn gốc do phạm tội mà có. Đến nay chiếc xe máy trên đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại cho bị hại. Ông Đặng Văn T đề nghị bị cáo Dì Văn D bồi thường số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền các ngày công đi tìm xe máy.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo; người đại diện bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt khai, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng và trả lại tài sản, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 07/CT-VKSBM ngày 08/4/2021 của VKSND huyện B truy tố Dì Văn D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Dì Văn D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Dì Văn D từ 12 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn

tù tính từ ngày tạm giữ ngày 13/02/2021. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 579, 580, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Dìm Văn D có trách nhiệm trả số tiền cho anh Lã Văn T 10.400.000đ mà anh Thượng đã bỏ tiền ra mua chiếc xe của bị cáo và trả cho bị hại Đặng Văn Đ số tiền 1.500.000đ là số tiền công đi tìm xe máy.

- Về vật chứng: Không.

- Về án phí: Bị cáo người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý bào chữa cho bị cáo Dìm Văn D đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên, xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo có nhân thân bất hảo năm 2013-2015 đã được giáo dục học tập tại trường giáo dưỡng tại tỉnh N thuộc Bộ công an, sau khi trở về địa phương không chịu lao động, thích ăn chơi đua đòi thực hiện hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tài sản chiếm đoạt không lớn, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự; xử bị cáo Dìm Văn D 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Dìm Văn D có trách nhiệm trả cho anh Lã Văn T 10.400.000đ và trả cho bị hại Đặng Văn Đ tiền công đi tìm xe máy là 1.500.000đ; về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên, nên không có tranh luận gì.

Người đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, không có tranh luận gì.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Hoàng Đức S đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai người đại diện bị hại, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với tang vật vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 9 giờ ngày 21/02/2021 Dìem Văn D đã đưa ra thông tin gian dối không đúng sự thật thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh - đen - bạc, BKS 23K1-080.52 của anh Đặng Văn Đ mang đi cầm cố cho ông Nông Văn M được số tiền 7.000.000đ đem tiêu sài cá nhân hết, sau đó tiếp tục bán chiếc xe máy trên cho anh Lã Văn T với số tiền 10.400.000đ, D đem đi chuộc lại xe máy với anh M số tiền 7.000.000đ, số tiền còn lại D sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân hết. Tại kết luận của Hội đồng định giá tài sản kết luận 01 chiếc xe mô tô, xe máy giá trị là 14.500.000đ, đến nay không có khả năng khắc phục hậu quả. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về vật chất cho người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy trước khi mượn xe máy của bị hại, nên đã đưa ra thông tin gian dối hỏi mượn chiếc xe máy để đi xuống xã M đón bạn và được bị hại tin tưởng đồng ý cho mượn xe máy (*thực tế không có bạn nào của bị cáo ở xã M*). Bị cáo là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Để đấu tranh phòng ngừa tội phạm lập lại trật tự an toàn xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ thời gian để giáo dục cải tạo, rèn luyện bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án không có; về tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an huyện B, tỉnh Hà Giang đầu thú về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, còn phải phạt bổ sung là phạt tiền sung công quỹ nhà nước mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng xét thấy bị cáo thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này có đối tượng liên quan:

[9] Đối với anh Nông Văn M là người cho bị cáo D cầm cố chiếc xe máy, anh Lã Văn T là người mua chiếc xe máy của bị cáo D, quá trình điều tra anh M và anh T không biết nguồn gốc chiếc xe máy đó là do bị cáo D phạm tội mà có, do vậy không đủ cơ sở căn cứ xử lý đối với anh M và anh T. Hội đồng xét xử không có căn cứ để xử lý.

[10] Đối với anh Nông Văn S là người đưa bị cáo D đi cầm cố, bán chiếc xe máy cho anh Nông Văn M và anh Lã Văn T nhưng trước khi đưa bị cáo D đi cầm cố và bán chiếc xe máy anh S không biết chiếc xe máy là do bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội mà có, ngoài ra giữa bị cáo D và anh S không có hứa hẹn và cũng không được bị cáo D chia tiền. Do vậy không có cơ sở để xử lý đối với anh Nông Văn S. Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

[11] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy, mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, mức bồi thường và miễn tiền án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[12] Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét về nhân thân, động cơ mục đích xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mức bồi thường dân sự đối và miễn tiền án phí có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ tài sản và xác định chủ sở hữu hợp pháp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại ông Đặng Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền công đi tìm tài sản là 1.500.000đ là phù hợp nên được

chấp nhận. Đối với anh Lã Văn T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khi mua xe máy của bị cáo Dìm Văn D là ngay tình, không biết xe máy do trộm cắp mà có, xét anh T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.400.000đ là phù hợp, nên được chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn nộp án phí là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dìm Văn D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dìm Văn D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Dìm Văn D để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 579, 580, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Dìm Văn D trả lại cho:

- Anh Lã Văn T; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Anh Đặng Văn Đ; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Không.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dìm Văn D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Luật sư;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công